

Số: 2533996

	BMW X3 30i M Sport 2024	BMW 520i MSport L2022
Giá niêm yết:	2.419.000.000đ	2.169.000.000đ
KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:		
Kích thước tổng thể (mm)	4708 x 1891 x 1676	4963 x 1868 x 1479
Chiều dài cơ sở (mm)	2864	2975
Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)	6010	5600
Khoảng sáng gầm xe (mm)	216	142
Khối lượng không tải (kg)	1710	1610
Khối lượng toàn tải (kg)	2400	2285
Thể tích khoang hành lý (L)	550 - 1600	530
Dung tích thùng nhiên liệu (L)	65	68
Số chỗ ngồi	5	5
Nguồn gốc	Lắp ráp trong nước	Lắp ráp trong nước
DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:		
Loại động cơ	I4 2.0L TwinPower Turbo	I4 2.0L TwinPower Turbo
Dung tích xi lanh (cc)	1.998	1.998
Công suất cực đại (hp @ rpm)	185 kW (252 HP) @ 5000-6500 rpm	135 kW (184 HP) @ 5000-6500 vòng/phút
Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)	350 Nm @ 1450-4800 rpm	290 Nm @ 1350-3800 vòng/phút
Hộp số	8AT Steptronic	8AT Steptronic
Hệ thống dẫn động	Cầu sau (RWD)	Cầu sau (RWD)
Hệ thống treo trước	Mc Pherson tay đòn kép với giảm chấn thích ứng	Tay đòn kép
Hệ thống treo sau	Liên kết đa điểm với giảm chấn thích ứng	Liên kết đa điểm
Hệ thống phanh trước	Đĩa	Đĩa
Hệ thống phanh sau	Đĩa	Đĩa
Thông số lốp xe	245/50 R 19	245/40 R 19
Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)	7,9	7,7
Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)	6,5	6,1
Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)	-	
Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh	Có	Có
Chế độ lái	Tùy chỉnh 03 chế độ lái: Comfort, Eco Pro, Sport	Tùy chỉnh 03 chế độ lái: Comfort, Eco Pro, Sport
Chế độ địa hình	Có	-
Trang bị khác	-	-
NGOẠI THẤT:		
Cụm đèn trước	Adaptive LED	BMW Laser
Đèn trước tự động bật/tắt	Có	Có
Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần	Có	Có
Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu	Có	Có
Đèn trước mở rộng góc chiếu	Có	Có
Đèn ban ngày LED	Có	Có
Đèn sương mù	-	-
Cụm đèn sau	BMW LED	BMW LED

Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện	Có	Có
Gạt mưa tự động	Có	Có
Cửa sổ trời	Có	Có
Trang bị khác	-	-
NỘI THẤT - TIỆN NGHI:		
Vô lăng bọc da	Có	●
Chất liệu ghế	Da Sensatec	Da Dakota
Ghế người lái chỉnh cơ	-	-
Ghế người lái chỉnh điện	Có	Có
Ghế người lái có nhớ vị trí	Có	Có
Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ	-	-
Ghế hành khách phía trước chỉnh điện	Có	Có
Hàng ghế trước có tính năng làm mát	-	-
Hàng ghế trước có tính năng sưởi	-	-
Hàng ghế trước có tính năng massage	-	-
Tính năng cửa hít	-	-
Kính cửa sổ chỉnh điện	Có	Có
Màn hình đồng hồ đa thông tin	Màn hình đa thông tin 12.3-inch	Màn hình đa thông tin 12.3-inch
Màn hình HUD	Có	-
Màn hình giải trí trung tâm	Màn hình điều khiển trung tâm 12.3-inch	Màn hình điều khiển trung tâm 12.3-inch
Kết nối Apple Carplay/Android Auto	Có	Có
Hệ thống điều hòa tự động	Có	Có
Số vùng khí hậu điều hòa	3	4
Cửa gió cho hàng ghế sau	Có	Có
Chìa khóa thông minh	Có	Có
Khởi động nút bấm	Có	Có
Khởi động từ xa	Có	Có
Hệ thống âm thanh	Hệ thống âm thanh Harman Kardon, 16 loa, công suất 464W	Hệ thống âm thanh Harman Kardon, 16 loa, công suất 464W
Lấy chuyển số	Có	Có
Sạc không dây Qi	Có	Có
Phanh đỗ điện tử	Có	Có
Giữ phanh tự động Autohold	Có	Có
Đèn trang trí nội thất	Có	Có
Rèm che nắng	-	Có
Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX	Có	Có
AN TOÀN:		
Số túi khí	6	6
Hệ thống chống bó cứng phanh ABS	Có	Có
Hệ thống phân phối lực phanh EBD	Có	Có
Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA	Có	Có
Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS	Có	Có
Hệ thống cân bằng điện tử	Có	Có
Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS	Có	Có
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA	Có	Có
Mã hóa chống sao chép chìa khóa	Có	Có
Hệ thống cảnh báo chống trộm	-	-

Cảm biến hỗ trợ đỗ xe	Có	Có
Hệ thống cảnh báo điểm mù	-	-
Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi	-	-
Hệ thống cảnh báo lệch làn đường	-	-
Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường	-	-
Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động	Có	Lùi xe
Hệ thống điều khiển hành trình	Có	-
Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng	-	Có
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp	Có	Có
Camera lùi	Có	Có

DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:

Loại động cơ	I4 2.0L TwinPower Turbo	B48; Xăng; I4; 1998cc; TwinPower Turbo
Công suất cực đại	185 kW (252 HP) @ 5000-6500 rpm	135 kW (184 HP) @ 5000-6500 vòng/phút
Mô men xoắn cực đại	350 Nm @ 1450-4800 rpm	290 Nm @ 1350-3800 vòng/phút
Hộp số	Tự động 8 cấp Steptronic	Tự động 8 cấp Steptronic
Dẫn động	Cầu sau	Cầu sau
Tăng tốc từ 0-100 km/h	6.6 giây	7.9 giây
Vận tốc tối đa	235 km/h	235 km/h